

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 782/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 06/5/2026.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Lê Thị Hạnh Sơn

2. Đặng Văn Ân

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trọng Tường - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Kim Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 546/2025/HNST ngày 31 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 838/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1349/2026/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2026 giữa các đương S:

Nguyên đơn: Bà **Trịnh Thị Kim H**, sinh năm: 1989. CCCD: 051189008601. Địa chỉ: Xã E, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông **Lê Văn S**, sinh năm: 1985. CCCD: 051085005754. Địa chỉ: Xã T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trịnh Thị Kim H trình bày: Bà H và ông Lê Văn S chung sống và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 39 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Minh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Ủy ban nhân dân xã Bình Minh, tỉnh Quảng Ngãi) cấp ngày 28/5/2013. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó vợ, chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp thường xuyên xảy ra cãi vã. Mặc dù cố hàn gắn gia đình nhưng không thể, cuộc sống hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được. Vì vậy bà H yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn S.

Về con chung: Có 02 con chung là trẻ Lê Công T, sinh ngày: 05/3/2014 và trẻ Lê Công A, sinh ngày: 23/02/2016. Bà H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông Lê Văn S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H tự khai không có.

Bị đơn ông Lê Văn S: Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Lê Văn S vẫn vắng mặt không đến Tòa trình bày yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán. Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm. Riêng bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân S năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2025). Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét bị đơn ông Lê Văn S đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Lê Văn S không đến Tòa tham gia giải quyết vụ án, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S đúng theo quy định các Điều 227, Điều 254 Bộ luật Tố tụng Dân S năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Xét nguyên đơn bà H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân S năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2025). Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H là đúng quy định pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Xét bị đơn ông Lê Văn S hiện đang cư trú tại: Nhà không số A4/19/27D tổ 29, ấp 14, xã Tân Vĩnh Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân S năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2025), vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về các yêu cầu và trách nhiệm của đương S:

[3.1] Xét bà Trịnh Thị Kim H và ông Lê Văn S chung sống vợ, chồng và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 39 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Minh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Ủy ban nhân dân xã Bình Minh, tỉnh Quảng Ngãi) cấp ngày 28/5/2013, đây là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của bà Trịnh Thị Kim H ly hôn với ông Lê Văn S, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó vợ, chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp thường xuyên xảy ra cãi vã. Mặc dù cố hàn gắn gia đình nhưng không thể, cuộc sống hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không

đạt được. Vì vậy bà H yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn S để ổn định cuộc sống, thì lời trình bày có căn cứ chấp nhận phù hợp quy định tại các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Có 02 con chung trẻ Lê Công T, sinh ngày: 05/3/2014 và trẻ Lê Công A, sinh ngày: 23/02/2016. Xét ý kiến bà H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung cùng bản tự khai ý kiến trẻ Lê Công T và trẻ Lê Công An có nguyện vọng sống với mẹ nhằm đảm bảo S ổn định của trẻ, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao 02 trẻ Lê Công T, sinh ngày: 05/3/2014 và trẻ Lê Công A, sinh ngày: 23/02/2016 cho bà Trịnh Thị Kim H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông Lê Văn S cấp dưỡng nuôi 02 con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Lê Văn S cho đến khi bà H có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H tự khai không có nên không xét..

[3.3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: nguyên đơn bà Trịnh Thị Kim H phải chịu. Bị đơn ông Lê Văn S không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân S năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2025);

- Căn cứ vào Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật thi hành án dân S năm 2009 (đã sửa đổi bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Vắng mặt đối với bà Trịnh Thị Kim H và ông Lê Văn S.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trịnh Thị Kim H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị Kim H được ly hôn với ông Lê Văn S.

Giấy chứng nhận kết hôn 39 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Minh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Ủy ban nhân dân xã Bình Minh, tỉnh Quảng Ngãi) cấp ngày 28/5/2013 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao 02 trẻ Lê Công T, sinh ngày: 05/3/2014 và trẻ Lê Công A, sinh ngày: 23/02/2016 cho bà Trịnh Thị Kim H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Lê Văn S cho đến khi bà H có yêu cầu.

Vì lợi ích của con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà H tự khai không có.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trịnh Thị Kim H phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25E số 00026635 ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân S Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trịnh Thị Kim H đã nộp đủ án phí.

T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân S năm 2008 (đã sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân S, người phải thi hành án dân S có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân S năm 2008 (đã sửa đổi bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân S năm 2008 (đã sửa đổi bổ sung năm 2014),.

Về quyền kháng cáo: Bà Trịnh Thị Kim H và ông Lê Văn S vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương S;
- VKSND Khu vực 10, TP. Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân xã Bình Minh, tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Phúc

